TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **276**/2022/DS-ST.
Ngày: 20/7/2022
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông **Nguyễn Hoa Kiều.**
2/. Ông **Châu Văn Bình**.
-Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.
Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2022/QĐST-DS ngày 04/7/2022, giữa các đương sự:
Nguyên đơn*: **Lê Văn T, sinh năm 1988
Địa chỉ: Trần Thành L
Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1988 *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: 41/4 T, phường 6, thành phố M, tỉnh T.
Bị đơn*: **Trần Thành L, sinh năm 1990 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*
Do quen biết nên vào ngày 15/10/2021 anh Lê Văn T có cho anh Trần Thành L vay 02 lần tiền: buổi sáng cho vay 140.000.000 đồng; buổi chiều cho vay thêm 90.000.000 đồng, cả 02 lần cho vay đều có lập biên nhận do anh Tiếp ký tên, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn, thời hạn vay 03 tháng, thỏa thuận miệng lãi suất

5%/tháng. Kể từ khi vay anh Luân đã không trả vốn, lãi mặc dù anh Tiếp nhiều lần đòi.

Nay anh Tiếp khởi kiện yêu cầu anh Luân trả vốn gốc 230.000.000 đồng và tính tiền lãi với lãi suất 0,83 %/tháng kể từ ngày 15/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Anh Trần Thành L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có bản khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về pháp luật tố tụng*: Bị đơn là anh Trần Thành L cư trú tại ấp T, xã T, huyện Cnên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Ngọc P có đơn xin vắng mặt; anh Trần Thành L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc P và anh Trần Thành L.

[2] Giữa anh Lê Văn T và anh Trần Thành L có giao dịch dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Do quen biết nên vào ngày 15/10/2021 anh Lê Văn T có cho anh Trần Thành L vay 02 lần tiền: buổi sáng cho vay 140.000.000 đồng; buổi chiều cho vay thêm 90.000.000 đồng, cả 02 lần cho vay đều có lập biên nhận do anh Tiếp ký tên, mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn, thời hạn vay 03 tháng, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng. Kể từ khi vay anh Luân đã không trả vốn, lãi mặc dù anh Tiếp nhiều lần đòi. Nay anh Tiếp khởi kiện yêu cầu anh Luân trả vốn gốc 230.000.000 đồng và tính tiền lãi với lãi suất 0,83 %/tháng kể từ ngày 15/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*

Xét thấy, anh Trần Thành L đã nhận đủ số tiền vay, có lập biên nhận nhận tiền nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận mặc dù anh Tiếp đã nhiều lần nhắc nhở; việc anh Luân không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng về việc thanh toán tiền nợ gốc cho anh Lê Văn T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận theo nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, buộc anh

Trần Thành L phải trả số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh được tính cụ thể như sau:

230.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 9 tháng =17.181.000 đồng.

[3] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T. Buộc anh Trần Thành L trả cho anh Lê Văn T số tiền 247.181.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi mốt nghìn đồng), (trong đó vốn gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi là 17.181.000 đồng)* trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Lê Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Thành L chậm trả tiền thì anh Luân còn phải trả lãi theo lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.*Án phí:*

- Anh Trần Thành L phải chịu 12.359.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Lê Văn T được hoàn lại 6.036.000 đồng theo biên lai thu số 0005534 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo và cũng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ Tọa Phiên Tòa

-VKSND tỉnh T;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc Đạt